

THÔNG BÁO

Về việc tổ chức đợt học bổ sung vào buổi tối
học kỳ II năm học 2025-2026

Kính gửi: - Các Khoa, Viện, Bộ môn;
- Các phòng Tài chính-KT, CT-Công tác SV, TT-Khảo thí & ĐBCL, QTTB
- Các sinh viên thuộc Trường.

Để tạo điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng kế hoạch học tập đáp ứng nhu cầu của sinh viên, Nhà trường triển khai kế hoạch học - Đợt 5 Học kỳ II năm học 2025-2026 từ tuần 29 đến tuần 36 (ngày 09/03/2026 đến 02/05/2026). Đề nghị các khoa, viện, bộ môn liên quan và sinh viên thực hiện theo kế hoạch sau:

1. Thời khóa biểu:

- Căn cứ Thời khóa biểu (dự kiến), đề nghị các khoa, viện, bộ môn phân công giảng viên giảng dạy các học phần và gửi danh sách về phòng Đào tạo trước ngày 04/02/2026.
- Sinh viên có nguyện vọng học các học phần chưa có trong Thời khóa biểu dự kiến, cần nộp đơn xin mở lớp học phần tại Phòng Đào tạo (P.218 tầng 2 nhà F) trước ngày 04/02/2026.

2. Đăng ký, rút học phần:

- Sinh viên thực hiện đăng ký học phần (học buổi tối) tại cổng thông tin tin chỉ từ ngày 23/02/2026 - 25/02/2026. Sinh viên học vượt phải có xác nhận của Cố vấn học tập (để đảm bảo diện kiện tiên quyết của học phần) trước khi đăng ký. Sau khi đăng ký thành công, sinh viên cần lưu lại Phiếu đăng ký để đối chiếu trong trường hợp cần thiết.
- Ngày 26/02/2026 phòng Đào tạo rà soát số lượng sinh viên đăng ký lớp tín chỉ và giữ lại các lớp học phần đủ điều kiện, các lớp học phần không đủ số lượng sinh viên đăng ký tối thiểu sẽ bị hủy theo quy định.
- Sinh viên căn cứ Thời khóa biểu lần 2 (đã được điều chỉnh và cố định) để thực hiện đóng học phí đầy đủ theo quy định. Các học phần sinh viên đã đăng ký sẽ được giữ nguyên và Hạn nộp học phí đến hết ngày 06/03/2026.
- Sinh viên có nguyện vọng đăng ký bổ sung các học phần thì phải làm xin đăng ký bổ sung nộp tại Phòng Đào tạo (P.218 tầng 2 nhà F) trước ngày 05/03/2026.

3. Tổ chức lớp:

- Ngày 26/02/2026, Nhà trường thông báo Thời khóa biểu lần 2 (sau khi sinh viên đã đăng ký học phần).
- Ngày 06/03/2026, Nhà trường thông báo Thời khóa biểu chính thức.
- Nộp học phí: Sinh viên thực hiện nộp học phí theo một trong các hình thức sau:
 - + Thanh toán học phí trực tuyến Online qua Website của Nhà trường;
 - + Chuyển khoản qua Mã định danh;

- + Thời gian thu: **28/02/2026 – 06/03/2026**
- Số lượng sinh viên tối thiểu để tổ chức lớp:
 - + Các lớp học phần lý thuyết: **30 sinh viên;**
 - + Các lớp học phần đồ án: **10 sinh viên.**
- + Trường hợp đặc biệt, nếu sinh viên có nhu cầu mở lớp học phần có số lượng sinh viên ít hơn quy định, sinh viên phải làm *đơn xin mở lớp, cam kết nộp học phí đầy đủ* để trình Nhà trường xem xét, quyết định.
- Hình thức học: Học trực tiếp và trực tuyến
- Thời gian học: Tuần 29 đến tuần 36 (ngày 09/03/2026 đến 02/05/2026).
- Thời gian thi: Tuần 37 (ngày 04/05/2026 đến 09/05/2026).

Lưu ý:

- Từ sau ngày 06 tháng 03 năm 2026, sinh viên không được hủy học phần. Trường hợp sinh viên không nộp học phí, số tiền của các học phần đã đăng ký sẽ được tính vào học phí nợ của sinh viên và được truy thu vào đợt học tiếp theo. Trường hợp sinh viên đã nộp tiền mà không đi học sẽ được xem như tự ý bỏ học, sẽ phải nhận điểm F và không được rút học phí của học phần đã đăng ký.

- Các sinh viên **PHẢI** quản lý tài khoản của mình và thường xuyên cập nhật thông tin trên trang tin chỉ để tránh tình trạng bị lợi dụng tài khoản đăng ký học ảo. Sinh viên phải chịu trách nhiệm về tài khoản cá nhân của mình. Sinh viên đăng ký mà không nộp học phí sẽ bị kỷ luật theo quy định.

- **Cổ vấn học tập** chịu trách nhiệm nhắc nhở, hướng dẫn và đôn đốc sinh viên thực hiện đúng thông báo này.

- Sinh viên download mẫu đơn theo đường link sau:

https://drive.google.com/drive/folders/16ABqj1d4qr8ZVqRnbEddo_g_JyPk_YJi

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu;
- Chủ tịch HĐ Trường;
- Các khoa/viện bậc đại học;
- Giảng viên, Sinh viên toàn trường
- Lưu VT, ĐT.



KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

S.KTS. *Ngô Thị Kim Dung*

TT	Mã học phần	Tên học phần	TC	Tên lớp tín chỉ	Từ ngày	Đến ngày	Giảng viên	Thời gian
24	CT4002	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	CT4002_BS2	9/3 9/3	12/4 12/4		Thứ 4(T13-16)Thứ 7(T13-16)
25	MT8507	Lịch sử nghệ thuật	2	MT8507_BS	6/4 6/4	3/5 3/5		Thứ 4(T13-16)Thứ 7(T13-16)
26	XD3528	Máy xây dựng	2	XD3528_BS	9/3 9/3	12/4 12/4		Thứ 4(T13-16)Thứ 7(T13-16)
27	MT8509	Mĩ học	2	MT8509_BS	6/4 6/4	3/5 3/5		Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)
28	QL4702	Pháp luật xây dựng	1	QL4702_BS	6/4	3/5		Thứ 4(T13-16)
29	QL5012.1	Phương pháp đo bóc khối lượng	2	QL5012.1_BS	6/4 6/4	3/5 3/5		Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)
30	QL4715	Quản lý phát triển đô thị	2	QL4715_BS	6/4 6/4	3/5 3/5		Thứ 4(T13-16)Thứ 7(T13-16)
31	XD3001	Sức bền vật liệu 1	2	XD3001_BS	9/3 9/3	5/4 5/4		Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)
32	XD3003	Sức bền vật liệu 2	3	XD3003_BS	9/3 9/3	19/4 12/4		Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)
33	DT2101	Thủy lực 1	2	DT2101_BS	9/3 9/3	5/4 5/4		Thứ 4(T13-16)Thứ 7(T13-16)
34	DT2102	Thủy lực 2	2	DT2102_BS	6/4 6/4	3/5 3/5		Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)
35	DT1906	Thủy văn	2	DT1906_BS	9/3 9/3	5/4 5/4		Thứ 4(T13-16)Thứ 7(T13-16)
36	NN3703.1	Tiếng Anh chuyên ngành	2	NN3703.1_BS(NK)	9/3 9/3	5/4 5/4		Thứ 2(T13-16)Thứ 4(T13-16)
37	NN3703.3	Tiếng Anh Chuyên Ngành (CNTT)	2	NN3703.3_BS(CNTT)	9/3 9/3	5/4 5/4		Thứ 2(T13-16)Thứ 4(T13-16)
38	NN3701.1	Tiếng Anh P1	3	NN3701.1_BS	9/3 9/3	19/4 12/4		Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)
39	NN3702.1	Tiếng Anh P2	3	NN3702.1_BS	9/3 9/3	12/4 19/4		Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)
40	NN3700.1	Tiếng Anh tăng cường P1	3	NN3700.1_B	9/3 9/3	19/4 12/4		Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)
41	NN3700.2	Tiếng Anh tăng cường P2	3	NN3700.2_BS	9/3 9/3	19/4 12/4		Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)
42	TH4301	Tin học đại cương	2	TH4301_BS	9/3 9/3	19/4 12/4		Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)
43	TC2603.1	Toán P1	2	TC2603.1_BS	9/3 9/3	5/4 5/4		Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)
44	DT1908	Trắc địa	2	DT1908_BS	9/3 9/3	5/4 5/4		Thứ 4(T13-16)Thứ 7(T13-16)
45	CT3901.1	Triết học Mác - Lênin	3	CT3901.1_BS1	9/3 9/3	3/5 26/4		Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)
46	CT3901.1	Triết học Mác - Lênin	3	CT3901.1_BS2	9/3 9/3	3/5 26/4		Thứ 4(T13-16)Thứ 7(T13-16)
47	CT3901.1	Triết học Mác - Lênin	3	CT3901.1_BS3	9/3 9/3	3/5 26/4		Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)

Handwritten signature

THỜI KHÓA BIỂU DỰ KIẾN ĐỢT HỌC BỔ SUNG HỌC KỲ II NĂM HỌC 2025-2026
(Kèm theo Thông báo số 466/CTK... ngày 23 tháng 01 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến Trúc Hà Nội)



TT	Mã học phần	Tên học phần	TC	Tên lớp tín chỉ	Từ ngày	Đến ngày	Giảng viên	Thời gian
1	CT3902.2	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	2	CT3902.2_BS	9/3 9/3	12/4 12/4		Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)
2	XD2901	Cơ học cơ sở 1	2	XD2901_BS	9/3 9/3	5/4 5/4		Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)
3	XD2902	Cơ học cơ sở 2	2	XD2902_BS	6/4 6/4	3/5 3/5		Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)
4	XD3006	Cơ học kết cấu 2	3	XD3006_BS	9/3 9/3	19/4 19/4		Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)
5	XD3204	ĐA Kết cấu bê tông cốt thép 2	2	XD3204_BS	9/3 9/3	3/5 26/4		Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)
6	QL4725.1	ĐA QL1 - Quản lý công trình kiến trúc	2	QL4725.1_BS	9/3 9/3	3/5 26/4		Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)
7	XD3101	Địa chất công trình	2	XD3101_BS	9/3 9/3	5/4 5/4		Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)
8	XD3202.2	Đồ án kết cấu BTCT 1	2	XD3202.2_BS	9/3 9/3	3/5 26/4		Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)
9	XD3502.2	Đồ án kỹ thuật thi công 1	2	XD3502.2_BS	9/3 9/3	3/5 26/4		Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)
10	KT0101	Hình học hoạ hình	2	KT0101_BS	6/4 6/4	3/5 3/5		Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)
11	KT0101.1	Hình học hoạ hình và vẽ kỹ thuật	2	KT0101.1_BS	9/3 9/3	5/4 5/4		Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)
12	TC2501	Hoá học đại cương	2	TC2501_BS	6/4 6/4	3/5 3/5		Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)
13	XD3201	Kết cấu bê tông cốt thép P1	3	XD3201_BS	9/3 9/3	19/4 19/4		Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)
14	XD3301	Kết cấu thép 1	3	XD3301_BS	9/3 9/3	19/4 12/4		Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)
15	XD3002	Kết cấu và xây dựng 1	3	XD3002_BS	9/3 9/3	19/4 19/4		Thứ 5(T13-16)
16	XD3218	Kết cấu và xây dựng 2	2	XD3218_BS	6/4 6/4	3/5 3/5		Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)
17	XD3501.1	Kỹ thuật thi công 1	2	XD3501.1_BS	9/3 9/3	5/4 5/4		Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)
18	XD3501.2	Kỹ thuật thi công 2	2	XD3501.2_BS	6/4 6/4	3/5 3/5		Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)
19	KT0402.1	Kiến trúc công trình	2	KT0402.1_BS	9/3 9/3	5/4 5/4		Thứ 4(T13-16)Thứ 7(T13-16)
20	CT3902.1	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	CT3902.1_BS1	9/3 9/3	12/4 12/4		Thứ 4(T13-16)Thứ 7(T13-16)
21	CT3902.1	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	CT3902.1_BS2	9/3 9/3	12/4 12/4		Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)
22	QHDQ01	Lập quy hoạch 1 - Quy hoạch nhóm nhà ở	2	QHDQ01_BS	9/3 9/3	26/4 26/4		Thứ 4(T13-16)Thứ 7(T13-16)
23	CT4002	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	CT4002_BS1	9/3 9/3	12/4 12/4		Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)

24

TT	Mã học phần	Tên học phần	TC	Tên lớp tín chỉ	Từ ngày	Đến ngày	Giảng viên	Thời gian
48	CT3901.1	Triết học Mác - Lênin	3	CT3901.1_BS4	9/3 9/3	3/5 26/4		Thứ 4(T13-16)Thứ 7(T13-16)
49	CT4101	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	CT4101_BS1	9/3 9/3	12/4 12/4		Thứ 4(T13-16)Thứ 7(T13-16)
50	CT4101	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	CT4101_BS2	9/3 9/3	12/4 12/4		Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)
51	MT85222	Văn hóa Việt Nam	2	MT85222_BS	6/4 6/4	3/5 3/5		Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)
52	XD2828	Vật liệu xây dựng	3	XD2828_BS	9/3 9/3	19/4 19/4		Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)
53	TC2704	Vật lý đại cương	2	TC2704_BS	6/4 6/4	3/5 3/5		Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)
54	QH1501.1	Vật lý kiến trúc	2	QH1501.1_BS	9/3 9/3	5/4 5/4		Thứ 4(T13-16)Thứ 7(T13-16)
55	TC2606	Xác suất thống kê	2	TC2606_BS	6/4 6/4	3/5 3/5		Thứ 4(T13-16)Thứ 7(T13-16)

Danh sách có 55 lớp học phần.

24